TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 02 năm 2020
Về việc: Ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Nguyễn Thị Loan

Ông: Trần Quốc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khanh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 788/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc: Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị C**, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Lê Hoàng S,** sinh năm 1974 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh C .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2019, nguyên đơn là chị Phan Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Hoàng S kết hôn năm 2003 hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hoàng S.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 02 người con chung tên Lê Nhã L, sinh ngày 27/10/2003 và Lê Ngọc T, sinh ngày

16/02/2013 các cháu hiện chị đang nuôi dạy, nay chị yêu cầu nuôi 02 cháu, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lê Hoàng S trình bày tại đơn xin vắng mặt ngày 11/12/2019:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của của chị C về thời điểm kết hôn, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cự cải vợ chồng ly thân 3 năm. Nay vợ anh là Phan Thị C yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chung sống tạo 02 con Lê Nhã L, sinh ngày 27/10/2003 và Lê Ngọc T, sinh ngày 16/02/2013 các cháu hiện vợ đang nuôi dạy, nay anh đồng ý giao 02 cháu cho vợ nuôi không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn chị Phan Thị C và anh Lê Hoàng S có nơi trú tại ấp ấp 6, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Phan Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Lê Hoàng S, tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị C là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị C là nguyên đơn, anh S là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự có yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Phan Thị C và anh Lê Hoàng S kết hôn năm 2003, hôn nhân tự nguyện không có đăng ký kết hôn, có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Đơn khởi kiện và đơn xin vắng mặt của chị C và anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh S. Do anh S và chị C chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy đinh của pháp luật, nên hôn nhân giữa chị C và anh S là không hợp pháp, không làm phát

sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị C và anh S thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân Tòa án không công nhận anh S và chị C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 02 người con chung Lê Nhã L, sinh ngày 27/10/2003 và Lê Ngọc T, sinh ngày 16/02/2013 các cháu hiện vợ đang nuôi dạy, tại biên bản làm việc cháu Linh và cháu Tuyền nguyện vọng của các cháu yêu cầu được sống với mẹ.

Xét, con chung tên Lê Nhã L, sinh ngày 27/10/2003 và Lê Ngọc T, sinh ngày 16/02/2013 sống chung với chị C và nguyện vọng của các cháu muốn sống với chị C, hiện đang đi học nên gần gũi với chị C, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, ghi nhận tự nguyện giữa cháu Linh và Cháu Tuyền, giao cháu Lê Nhã L, sinh ngày 27/10/2003 và Lê Ngọc T, sinh ngày 16/02/2013 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không đặt ra việc cấp dưỡng. Anh S không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị C tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận Chị Phan Thị C và anh Lê Hoàng S là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nhã L, sinh ngày 27/10/2003 và Lê Ngọc T, sinh ngày 16/02/2013 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị C không đặt ra việc cấp dưỡng. Anh S không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị C tự nguyện chịu 300.000 đồng, ngày 11/12/2019 theo biên lai số 0002984 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Thủy